

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

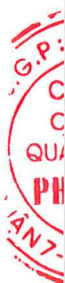
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025



Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ	2
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	3 - 8
Báo cáo của Ngân hàng Giám sát	9
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 11
Báo cáo thu nhập giữa niên độ	12
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ	13 - 14
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ	15
Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ	16 - 17
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	18 - 19
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	20 - 53



Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

QUỸ

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam (“Quỹ”) được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 206/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 7 năm 2022; Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 66/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21 tháng 11 năm 2022 và Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Tổng số chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 10.014.900,00 chứng chỉ với tổng giá trị là 100.149.000.000 Việt Nam đồng, chiếm 200,30% tổng số chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán là 5.000.000 chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VND/chứng chỉ quỹ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 144.600.880.500 Việt Nam đồng, tương đương với 14.460.088,05 chứng chỉ quỹ.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là hướng đến việc gia tăng ổn định giá trị tài sản cho Nhà đầu tư trong trung và dài hạn. Phần lớn đầu tư của Quỹ sẽ được tập trung vào các loại chứng khoán đang và sẽ niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, bao gồm chứng khoán của các công ty đang niêm yết trên thị trường, các loại trái phiếu Chính phủ và trái phiếu doanh nghiệp đã niêm yết.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Tầng 20, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, Số 8, Đường Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng (“Công ty Quản lý Quỹ”).

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT VÀ LƯU KÝ

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa. Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được quy định tại Điều lệ Quỹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng được thành lập theo Giấy phép số 24/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 12 năm 2007, và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ Phú Hưng tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện Quỹ trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Tsai, Hsiu-Li	Chủ tịch, Thành viên độc lập	Ngày 21 tháng 11 năm 2022
Bà Lan, Wan-Chen	Thành viên độc lập	Ngày 21 tháng 11 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Trang	Thành viên độc lập	Ngày 21 tháng 11 năm 2022

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Albert Kwang-Chin Ting, chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng.

Ông Lu Hui-Hung được Ông Albert Kwang-Chin Ting ủy quyền ký báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 theo Giấy Ủy quyền số 01/2025/UQ-BTK-PHFM ngày 01 tháng 01 năm 2025.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Quỹ.

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam ("Quỹ") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng ("Công ty Quản lý Quỹ"), với tư cách là công ty quản lý quỹ của Quỹ, chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ và danh mục đầu tư giữa niên độ, kết quả thu nhập giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Quỹ trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Đại diện Quỹ phê duyệt báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo, trên cơ sở cam kết của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ và danh mục đầu tư giữa niên độ của Quỹ vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả thu nhập giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ:


Bà Tsai, Hsiu-Li
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2025

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

1. Mục tiêu của Quỹ

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 206/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 7 năm 2022; Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 66/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21 tháng 11 năm 2022 và Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là hướng đến việc gia tăng ổn định giá trị tài sản cho Nhà đầu tư trong trung và dài hạn. Phần lớn đầu tư của Quỹ sẽ được tập trung vào các loại chứng khoán đang và sẽ niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, bao gồm chứng khoán của các công ty đang niêm yết trên thị trường, các loại trái phiếu Chính phủ và trái phiếu doanh nghiệp đã niêm yết.

2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ đã được soát xét, tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2025, thay đổi giá trị tài sản ròng ("NAV") trên một chứng chỉ quỹ ("CCQ") của Quỹ giảm 0,43% so với NAV/CCQ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024.

3. Chiến lược đầu tư của Quỹ

Quỹ áp dụng nguyên tắc đầu tư thận trọng với chiến lược đầu tư giá trị. Việc phân bổ danh mục đầu tư của Quỹ dựa trên tiêu chí nâng cao động lực tăng trưởng cho giá trị tài sản đầu tư theo quy trình chấp nhận rủi ro hợp lý.

Trong điều kiện bình thường, Quỹ có thể phân bổ tỷ trọng đầu tư 100% vào cổ phiếu. Khi nền kinh tế có những biến động bất lợi, Quỹ có thể nắm giữ giá trị tài sản ròng dưới hình thức tiền mặt, các khoản tương đương tiền và tài sản có thu nhập cố định để giảm thiểu rủi ro, phù hợp với các quy định về hạn chế đầu tư theo Điều lệ Quỹ.

Để đạt được mục tiêu đầu tư, Quỹ thực hiện đa dạng hóa danh mục vào hầu hết các ngành nghề. Tùy vào đặc điểm của chu kỳ kinh tế, thay đổi trong cơ cấu kinh tế và môi trường kinh doanh mà Quỹ sẽ tận dụng các cơ hội phát sinh để tập trung nắm giữ một số doanh nghiệp thuộc một vài ngành nghề nhất định trong một khoảng thời gian nhất định.

Quỹ sẽ đầu tư vào các lĩnh vực, ngành nghề được pháp luật cho phép và phù hợp với mục tiêu, chiến lược đầu tư của Quỹ.

4. Phân loại Quỹ

Quỹ được tổ chức dưới hình thức quỹ mở theo quy định của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.

5. Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ: Trung đến dài hạn.

6. Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao): Trung bình đến cao.

7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 66/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21 tháng 11 năm 2022. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ (tiếp theo)

8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tổng giá trị tài sản ròng: 174.166.388.292 Việt Nam đồng.

Số lượng chứng chỉ quỹ: 14.460.088,05 chứng chỉ quỹ.

9. Chỉ số tham chiếu của Quỹ: Quỹ không có chỉ số tham chiếu.

10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

Quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận cho Nhà đầu tư nếu:

- Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
- Quỹ đã trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ;
- Ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, Quỹ vẫn phải đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận để lại của Quỹ. Việc phân chia lợi nhuận của Quỹ được thực hiện trên cơ sở đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ vì phải được Đại hội Nhà đầu tư hoặc Ban Đại diện Quỹ (nếu được ủy quyền) chấp thuận.

Hình thức chia lợi nhuận có thể bằng tiền hoặc bằng Chứng chỉ Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, giá dịch vụ, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho Nhà đầu tư.

11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị quỹ:

Trong kỳ, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

1. Cơ cấu tài sản quỹ

Cơ cấu tài sản quỹ	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 (%)	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (%)
Danh mục cổ phiếu	89,54	87,87
Tiền gửi ngân hàng	5,01	6,97
Chứng khoán khác và tài sản khác	5,45	5,16
Tổng cộng	100,00	100,00

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

	Chỉ tiêu	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 30 tháng 6 năm 2024
1	Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND)	174.166.388.292	182.929.572.014
2	Tổng số chứng chỉ quỹ ("CCQ") đang lưu hành	14.460.088,05	15.121.912,07
3	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (VND)	12.044,63	12.096,99
4	Giá trị tài sản ròng cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo (VND)	12.393,00	12.617,99
5	Giá trị tài sản ròng thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo (VND)	9.916,43	10.685,66
6	Giá cuối ngày trên 1 đơn vị quỹ tại ngày báo cáo (a)	Không áp dụng	Không áp dụng
7	Giá cuối ngày cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo (a)	Không áp dụng	Không áp dụng
8	Giá cuối ngày thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo (a)	Không áp dụng	Không áp dụng
9	Tổng tăng trưởng (%) / 1 đơn vị quỹ	(1,42)	14,21
9.1	Tăng trưởng vốn (%) / 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo (Thay đổi do biến động giá)	0,32	9,24
9.2	Tăng trưởng thu nhập (%) / 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo (Tính trên thu nhập đã thực hiện)	(1,74)	4,97
10	Phân phối gộp trên 1 đơn vị quỹ (b)	Không áp dụng	Không áp dụng
11	Phân phối ròng trên 1 đơn vị quỹ (b)	Không áp dụng	Không áp dụng
12	Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution) (b)	Không áp dụng	Không áp dụng
13	Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ từ trong kỳ báo cáo (%)	2,52	2,24
14	Tốc độ vòng quay danh mục từ trong kỳ báo cáo (%)	162,76	107,32

(a) Chứng chỉ quỹ của Quỹ không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

(b) Quỹ chưa áp dụng chính sách phân phối lợi nhuận.

3. Tăng trưởng qua các thời kỳ

Giai đoạn	Tăng trưởng NAV/CCQ (%)	Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm (%)
1 năm	(0,43)	(0,43)
3 năm	Không áp dụng	Không áp dụng
Từ khi thành lập	20,45	6,40
Tăng trưởng của chỉ số tham chiếu	Không áp dụng	Không áp dụng

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ

Trong 6 tháng đầu năm 2025, GDP Việt Nam tăng 7,52% YoY, vượt dự báo và đạt mức cao nhất kể từ 2011 nhờ sản xuất, xây dựng, vận tải, lưu trú phục hồi mạnh; tiêu dùng và đầu tư duy trì tích cực, lạm phát ổn định ở 3,27% YoY. Xuất nhập khẩu tăng lần lượt 14,5% và 17,9% YoY, trong đó xuất khẩu sang Mỹ duy trì mức tăng trên 30% bốn tháng liên tiếp nhờ đẩy hàng trước thuế. Vốn FDI giải ngân đạt đỉnh 5 năm, vốn đăng ký tăng hơn 30%, đầu tư công cũng tăng tốc nhờ giải ngân tốt. Tháng 6, doanh thu bán lẻ đạt 570,2 nghìn tỷ VND, tăng 8,3% YoY nhưng giảm nhẹ MoM do ảnh hưởng ban đầu của quy định mới buộc khoảng 37.000 hộ kinh doanh từ 1/6 chuyển từ thuế khoán sang kê khai thực tế, áp dụng hóa đơn điện tử và POS. Doanh thu hàng hóa tăng chậm lại ở mức 6,7% YoY, F&B và lưu trú giảm còn 14,1% YoY, chiếm 12,3% tổng bán lẻ; lũy kế 6 tháng, bán lẻ tăng 9,3% YoY, tiếp tục hỗ trợ tăng trưởng.

Ngoài ra, ngày 2/7/2025, Tổng thống Donald Trump công bố Mỹ và Việt Nam đã đạt thỏa thuận thương mại: Mỹ áp thuế 20% lên hàng nhập khẩu trực tiếp từ Việt Nam, 40% cho hàng trung chuyển, đổi lại hàng Mỹ xuất sang Việt Nam được hưởng thuế 0%. Thỏa thuận này giúp làm rõ triển vọng thương mại song phương, giảm bất định khi Việt Nam nhiều khả năng là quốc gia thứ hai đạt thỏa thuận thương mại riêng với Mỹ và giảm được thuế đối ứng so với mức 46% trước đây. Tuy nhiên, định nghĩa "hàng trung chuyển" vẫn chưa rõ, tiềm ẩn rủi ro khi Việt Nam phụ thuộc nhập khẩu nguyên liệu, đặc biệt từ Trung Quốc, cho sản xuất xuất khẩu.

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

Chỉ tiêu	1 năm đến thời điểm báo cáo (%)	Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị quỹ	2,50	5,45
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị quỹ	(2,94)	15,00
Tăng trưởng/1 đơn vị quỹ	(0,43)	20,45

Thay đổi giá trị tài sản ròng:

Chỉ tiêu	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Tỷ lệ thay đổi (%)
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	174.166.388.292	182.929.572.014	(4,79)
Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị quỹ	12.044,63	12.096,99	(0,43)

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

Biểu đồ thay đổi Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị quỹ hàng tháng của Quỹ:



2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ tại 30 tháng 6 năm 2025

Quy mô nắm giữ (chứng chỉ quỹ)	Số lượng nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Dưới 5.000	583	118.532,66	0,82
Từ 5.000 đến 10.000	7	51.349,93	0,36
Từ 10.000 đến 50.000	6	96.713,85	0,67
Từ 50.000 đến 500.000	4	372.382,63	2,58
Trên 500.000	5	13.821.108,98	95,58
Tổng cộng	605	14.460.088,05	100,00

3. Chi phí ngậm và giảm giá: Không có

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Mục tiêu kinh tế: Chính phủ vẫn giữ mục tiêu tăng trưởng 8% như đầu năm tuy nhiên mục tiêu này sẽ trở nên rất thách thức trong bối cảnh tuyên bố áp thuế quan mới nhất của Mỹ là 20%. Nhìn chung, đây là mức thuế ổn định với Việt Nam, tuy nhiên về định nghĩa "hàng trung chuyển" sẽ còn phải làm rõ. Việt Nam vẫn còn có nhiều lợi thế có thể tận dụng: bao gồm mở rộng hoạt động xuất khẩu ra nhiều quốc gia khác nhau và sự chuyển dịch đầu tư & chuỗi cung ứng từ Trung Quốc. Tuy nhiên, các rủi ro vẫn rất đáng kể: hoạt động xuất khẩu có thể sụt giảm do nhu cầu toàn cầu suy yếu, dòng vốn FDI giảm do căng thẳng thương mại gia tăng cùng các chính sách khuyến khích dịch chuyển sản xuất về nội địa và tăng cường giám sát thông qua các biện pháp bảo hộ thương mại như kiểm tra xuất xứ và điều tra chống lách luật. Những áp lực khác bao gồm chi phí hậu cần và tỷ giá gia tăng, cũng như sự cạnh tranh gay gắt từ hàng hóa nhập khẩu của nước thứ ba.

Mục tiêu tăng trưởng:

- Thúc đẩy đầu tư công một cách hiệu quả nhờ khung pháp lý cải thiện, thủ tục hành chính rút ngắn, điều này sẽ tạo hiệu ứng lan tỏa, khuyến khích khu vực tư nhân gia tăng đầu tư, từ đó hỗ trợ tổng cầu và tăng trưởng kinh tế.
- Triển vọng nâng hạng thị trường vào tháng 9 năm nay 2025.
- Thị trường bất động sản phục hồi cùng với xu hướng tăng tiêu dùng nội địa sẽ là động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng trong ngắn hạn, lượng khách du lịch đã trở về xu hướng trước khi Covid-19 diễn ra được kỳ vọng sẽ thúc đẩy tiêu dùng nội địa.
- Tăng trưởng xuất khẩu có thể chậm lại khi Mỹ - thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam - đối mặt với rủi ro gia tăng thuế quan. Đồng thời, dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) cũng sẽ gặp nhiều thách thức do các rào cản thương mại gia tăng từ phía Mỹ.

VI. THÔNG TIN KHÁC

Thông tin về từng nhân sự điều hành quỹ, Ban Đại diện Quỹ và Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ đã được trình bày đầy đủ tại Bản cáo bạch của Quỹ.



Ông Lê Hui-Hung
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2025

**BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT
QUỸ ĐẦU TƯ CHỌN LỌC PHÚ HƯNG VIỆT NAM
GIỮA NIÊN ĐỘ NĂM 2025**



Chúng tôi, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa, là Ngân hàng giám sát của QUỸ ĐẦU TƯ CHỌN LỌC PHÚ HƯNG VIỆT NAM (“Quỹ”) cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 06 năm 2025, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về Quỹ mở, Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch và văn bản pháp luật liên quan.
- Việc lưu ký tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- Việc phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ đã phù hợp theo quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 06 năm 2025, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



Bà Nguyễn Thị Minh Châu
Phó Giám đốc
Ngân hàng TMCP Đầu tư
và Phát triển Việt Nam
Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa

BỘ PHẬN GIÁM SÁT

Ông Trần Ngọc Tiến
Phó trưởng phòng
Định chế tài chính
và Lưu ký chứng khoán

23 - C
ÔNG T
Ổ PH
N L Y
Ú H
T. PH



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 13314328/69130298/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các nhà đầu tư của Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam ("Quỹ") được lập ngày 12 tháng 8 năm 2025 và được trình bày từ trang 12 đến trang 53, bao gồm báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ, báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, báo cáo thu nhập giữa niên độ, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng là Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Shape the future
with confidence

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ, danh mục đầu tư giữa niên độ của Quý tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả thu nhập giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Quý cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Vũ Tiến Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3321-2025-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2025

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

B01g-QM

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND
01	I. (LỖ)/THU NHẬP HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		(294.934.175)	24.582.049.632
02	1.1 Cổ tức được chia		1.600.054.700	2.215.327.600
03	1.2 Tiền lãi được nhận	14	231.514.275	172.970.082
04	1.3 (Lỗ)/lãi bán các khoản đầu tư	15	(2.715.329.372)	7.503.993.446
05	1.4 Chênh lệch tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5	588.826.222	14.689.758.504
10	II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ		417.164.380	272.258.876
11	2.1 Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	18	417.164.380	272.258.876
20	III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ		1.740.621.364	1.745.305.745
20.1	3.1 Phí quản lý Quỹ mở	24.1	1.274.495.662	1.318.744.422
20.2	3.2 Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở	16	181.496.086	155.198.619
20.3	3.3 Phí dịch vụ giám sát	24.2	33.000.000	33.000.000
20.4	3.4 Phí dịch vụ quản trị Quỹ mở	24.2	99.000.000	99.000.000
20.5	3.5 Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng		79.200.000	68.200.000
20.8	3.6 Chi phí kiểm toán		64.350.063	64.445.901
20.10	3.7 Chi phí hoạt động khác	17	9.079.553	6.716.803
23	IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		(2.452.719.919)	22.564.485.011
30	V. TỔNG (LỖ)/LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		(2.452.719.919)	22.564.485.011
31	5.1 (Lỗ)/lợi nhuận đã thực hiện		(3.041.546.141)	7.874.726.507
32	5.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		588.826.222	14.689.758.504
40	VI. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")		-	-
41	VII. (LỖ)/LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		(2.452.719.919)	22.564.485.011

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 12 tháng 8 năm 2025

Người lập:

Người phê duyệt:

Người phê duyệt:

Bà Nguyễn Thị Hương Huệ
Kế toán Quỹ

Bà Nguyễn Thị Hương Huệ
Phụ trách Kế toán Quỹ

Ông Lưu Hui-Hung
Tổng Giám đốc



Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

B02g-QM

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
100	I. TÀI SẢN			
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	4	8.789.044.233	10.274.522.774
111	1.1 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở		8.789.044.233	10.274.522.774
120	2. Các khoản đầu tư thuần	5	165.465.652.500	176.109.746.900
121	2.1 Các khoản đầu tư		165.465.652.500	176.109.746.900
130	3. Các khoản phải thu		1.200.443.425	1.798.784.246
131	3.1 Phải thu về bán các khoản đầu tư	7	879.720.000	1.517.400.000
133	3.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		320.723.425	281.384.246
136	3.2.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	6	320.723.425	281.384.246
100	TỔNG TÀI SẢN		175.455.140.158	188.183.053.920
300	II. NỢ PHẢI TRẢ			
312	1. Phải trả về mua các khoản đầu tư		895.270.000	1.443.635.000
313	2. Phải trả cho các đại lý phân phối CCQ	8	1.657.054	415.290
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		131.144	26.631
316	4. Chi phí phải trả	9	67.012.548	134.041.553
317	5. Phải trả cho nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	10	44.940.265	11.520.007
318	6. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ	10	18.737.700	-
319	7. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở	11	261.003.155	285.116.927
300	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		1.288.751.866	1.874.755.408
400	III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ		174.166.388.292	186.308.298.512
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư	12	144.600.880.500	152.492.041.100
412	1.1 Vốn góp phát hành		155.531.178.100	153.031.690.700
413	1.2 Vốn góp mua lại		(10.930.297.600)	(539.649.600)
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư	12	588.911.870	2.386.941.571
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	13	28.976.595.922	31.429.315.841
430	IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 CHỨNG CHỈ QUỸ	12	12.044,63	12.217,58

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

B02g-QM

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
004	Số lượng Chứng chỉ quỹ đang lưu hành	20	14.460.088,05	15.249.204,11

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 12 tháng 8 năm 2025

Người lập:

Bà Nguyễn Thị Hương Huệ
Kế toán Quỹ

Người phê duyệt:

Bà Nguyễn Thị Hương Huệ
Phụ trách Kế toán Quỹ

Người phê duyệt:



Ông Lê Hui-Hung
Tổng Giám đốc

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ
GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

B03g-QM

Mã số	Chỉ tiêu	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND
I	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở (NAV) đầu kỳ	186.308.298.512	158.710.172.987
II	Thay đổi NAV trong kỳ	(2.452.719.919)	22.564.485.011
	<i>Trong đó:</i>		
II.1	- Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ mở trong kỳ	(2.452.719.919)	22.564.485.011
III	Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm Chứng chỉ quỹ	(9.689.190.301)	1.654.914.016
	<i>Trong đó:</i>		
III.1	- Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ	2.889.895.891	2.031.879.240
III.2	- Khoản thanh toán từ việc mua lại Chứng chỉ quỹ	(12.579.086.192)	(376.965.224)
IV	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở cuối kỳ (IV = I + II + III)	174.166.388.292	182.929.572.014

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 12 tháng 8 năm 2025

Người lập:

Người phê duyệt:

Người phê duyệt:



Bà Nguyễn Thị Hương Huệ
Kế toán Quỹ

Bà Nguyễn Thị Hương Huệ
Phụ trách Kế toán Quỹ

Ông Lưu Hui-Hung
Tổng Giám đốc

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

B04g-QM

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ trên tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 (%)
I	Cổ phiếu niêm yết			157.102.562.500	89,54
1	ACB	369.667	21.300	7.873.907.100	4,49
2	BMP	11.900	140.300	1.669.570.000	0,95
3	BVB	217.900	12.700	2.767.330.000	1,58
4	BVH	97.200	53.100	5.161.320.000	2,94
5	BWE	46.100	47.950	2.210.495.000	1,26
6	CTD	26.900	85.500	2.299.950.000	1,31
7	CTG	166.598	41.900	6.980.456.200	3,98
8	DDV	72.300	27.700	2.002.710.000	1,14
9	DGC	9.600	101.700	976.320.000	0,56
10	FPT	58.800	118.200	6.950.160.000	3,96
11	FRT	4.600	179.200	824.320.000	0,47
12	HCM	63.700	21.400	1.363.180.000	0,78
13	HDB	192.980	21.800	4.206.964.000	2,40
14	HPG	318.000	22.700	7.218.600.000	4,11
15	KDH	128.600	29.400	3.780.840.000	2,15
16	MBB	364.659	25.800	9.408.202.200	5,36
17	MSB	215.500	12.000	2.586.000.000	1,47
18	MSN	51.000	76.800	3.916.800.000	2,23
19	MWG	81.700	65.500	5.351.350.000	3,05
20	NT2	245.800	19.250	4.731.650.000	2,70
21	NTL	133.600	18.350	2.451.560.000	1,40
22	OCB	149.300	11.700	1.746.810.000	1,00
23	PAC	20.050	24.000	481.200.000	0,27
24	PNJ	26.700	83.100	2.218.770.000	1,26
25	POW	284.500	13.000	3.698.500.000	2,11
26	PVS	85.800	32.900	2.822.820.000	1,61
27	QNS	48.600	47.600	2.313.360.000	1,32
28	REE	90.045	68.100	6.132.064.500	3,49
29	SHB	68.800	12.900	887.520.000	0,51
30	STB	159.300	46.700	7.439.310.000	4,24
31	TCB	245.000	34.200	8.379.000.000	4,78
32	TCM	58.190	31.700	1.844.623.000	1,05
33	TCH	81.000	20.000	1.620.000.000	0,92
34	TOS	10.500	166.000	1.743.000.000	0,99
35	TV2	53.200	37.450	1.992.340.000	1,14
36	THG	35.160	57.100	2.007.636.000	1,14
37	VCB	97.800	57.000	5.574.600.000	3,18
38	VCG	160.144	22.050	3.531.175.200	2,01
39	VCI	46.000	35.750	1.644.500.000	0,94
40	VHM	10.800	76.700	828.360.000	0,47
41	VIB	127.971	18.300	2.341.869.300	1,33
42	VLB	40.200	46.100	1.853.220.000	1,06
43	VND	165.500	17.200	2.846.600.000	1,62
44	VNM	27.600	58.000	1.600.800.000	0,91
45	VPB	368.800	18.500	6.822.800.000	3,89

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

B04g-QM

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ trên tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 (%)
II	Các loại chứng khoán khác			8.363.090.000	4,77
1	Quyền mua chứng khoán			363.090.000	0,21
1.1	HCM	63.700	5.700	363.090.000	0,21
2	Tiền gửi có kỳ hạn trên ba (03) tháng			8.000.000.000	4,56
III	Các tài sản khác			1.200.443.425	0,68
1	Phải thu cổ tức			228.270.000	0,13
2	Lãi tiền gửi được nhận			92.453.425	0,05
3	Tiền bán chứng khoán chờ thu			879.720.000	0,50
IV	Tiền			8.789.044.233	5,01
1	Tiền gửi tại Ngân hàng			8.789.044.233	5,01
IV	Tổng giá trị danh mục			175.455.140.158	100,00

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 12 tháng 8 năm 2025

Người lập:

Người phê duyệt:

Người phê duyệt:



Bà Nguyễn Thị Hương Huệ
Kế toán Quỹ

Bà Nguyễn Thị Hương Huệ
Phụ trách Kế toán Quỹ

Ông Lưu Hui-Hung
Tổng Giám đốc

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

B05g-QM

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01	1. (Lỗ)/lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		(2.452.719.919)	22.564.485.011
02	2. Điều chỉnh cho các khoản tăng giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư		(655.855.227)	(14.684.823.153)
	Trong đó:			
03	Lãi đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5	(588.826.222)	(14.689.758.504)
04	Chi phí trích trước		(67.029.005)	4.935.351
05	3. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động		(3.108.575.146)	7.879.661.858
20	Giảm/(tăng) các khoản đầu tư		11.232.920.622	(10.002.502.346)
06	Giảm/(tăng) phải thu bán chứng khoán đầu tư		637.680.000	(1.393.670.000)
07	(Tăng)/giảm dự thu phải thu tiền lãi các khoản đầu tư		(39.339.179)	103.092.123
10	(Giảm)/tăng phải trả cho người bán		(548.365.000)	2.132.630.000
11	Tăng phải trả các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ		1.241.764	349.520
13	Tăng Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		104.513	29.722
14	Tăng phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ		33.420.258	450.913.587
15	Tăng/(giảm) phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ		18.737.700	(2.706.197)
17	(Giảm)/tăng phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở		(24.113.772)	41.182.379
19	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư		8.203.711.760	(791.019.354)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ	12	2.889.895.891	2.031.879.240
32	2. Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ	12	(12.579.086.192)	(376.965.224)
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động tài chính		(9.689.190.301)	1.654.914.016
40	III. (Giảm)/tăng tiền thuần trong kỳ		(1.485.478.541)	863.894.662
50	IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		10.274.522.774	12.086.008.233
51	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:		10.274.522.774	12.086.008.233
52	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở		10.263.002.767	11.981.512.925
	Trong đó:			
	Tiền gửi không kỳ hạn cho hoạt động của Quỹ		10.263.002.767	11.981.512.925
53	Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ		11.520.007	104.495.308

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

B05g-QM

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND
55	V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	4	8.789.044.233	12.949.902.895
56	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:		8.789.044.233	12.949.902.895
57	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở		8.724.817.936	12.496.382.888
	Trong đó:			
	Tiền gửi không kỳ hạn cho hoạt động của Quỹ		8.724.817.936	12.496.382.888
58	Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ		64.226.297	453.520.007
60	VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong kỳ		(1.485.478.541)	863.894.662

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 12 tháng 8 năm 2025

Người lập:

Người phê duyệt:

Người phê duyệt:



Bà Nguyễn Thị Hương Huệ
Kế toán Quỹ

Bà Nguyễn Thị Hương Huệ
Phụ trách Kế toán Quỹ

Ông Lu Hui-Hung
Tổng Giám đốc

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1.1 Thông tin về quỹ

Quỹ

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 206/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 7 năm 2022; Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 66/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21 tháng 11 năm 2022 và Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng ("Công ty Quản lý Quỹ").

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Tầng 20, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, Số 8, Đường Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng được thành lập theo Giấy phép số 24/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 12 năm 2007, và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ Phú Hưng tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa. Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được quy định tại Điều lệ Quỹ.

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ

Quy mô vốn

Tổng số chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 10.014.900,00 chứng chỉ với tổng giá trị là 100.149.000.000 Việt Nam đồng, chiếm 200,30% tổng số chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán là 5.000.000 chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VND/chứng chỉ quỹ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 144.600.880.500 Việt Nam đồng, tương đương với 14.460.088,05 chứng chỉ quỹ.

Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là hướng đến việc gia tăng ổn định giá trị tài sản cho Nhà đầu tư trong trung và dài hạn. Phần lớn đầu tư của Quỹ sẽ được tập trung vào các loại chứng khoán đang và sẽ niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, bao gồm chứng khoán của các công ty đang niêm yết trên thị trường, các loại trái phiếu Chính phủ và trái phiếu doanh nghiệp đã niêm yết.

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Chiến lược đầu tư của Quỹ

Quỹ áp dụng nguyên tắc đầu tư thận trọng với chiến lược đầu tư giá trị. Việc phân bổ danh mục đầu tư của Quỹ dựa trên tiêu chí nâng cao động lực tăng trưởng cho giá trị tài sản đầu tư theo quy trình chấp nhận rủi ro hợp lý.

Trong điều kiện bình thường, Quỹ có thể phân bổ tỷ trọng đầu tư 100% vào cổ phiếu. Khi nền kinh tế có những biến động bất lợi, Quỹ có thể nắm giữ giá trị tài sản ròng dưới hình thức tiền mặt, các khoản tương đương tiền và tài sản có thu nhập cố định để giảm thiểu rủi ro, phù hợp với các quy định về hạn chế đầu tư theo Điều lệ Quỹ.

Để đạt được mục tiêu đầu tư, Quỹ thực hiện đa dạng hóa danh mục vào hầu hết các ngành nghề. Tùy vào đặc điểm của chu kỳ kinh tế, thay đổi trong cơ cấu kinh tế và môi trường kinh doanh mà Quỹ sẽ tận dụng các cơ hội phát sinh để tập trung nắm giữ một số doanh nghiệp thuộc một vài ngành nghề nhất định trong một khoảng thời gian nhất định.

Quỹ sẽ đầu tư vào các lĩnh vực, ngành nghề được pháp luật cho phép và phù hợp với mục tiêu, chiến lược đầu tư của Quỹ.

Kỳ tính giá trị tài sản ròng

NAV của Quỹ được xác định theo Ngày Giao dịch, đảm bảo tối thiểu một (1) lần trong một (1) tuần và hàng tháng để phục vụ mục đích báo cáo tháng.

Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ

Tần suất giao dịch của Quỹ là hàng ngày, vào các ngày làm việc trong tuần ("Ngày giao dịch" hay "Ngày T"). Trong trường hợp Ngày giao dịch nêu trên rơi vào ngày nghỉ lễ, kể cả ngày nghỉ bù theo quy định của pháp luật, ngày nghỉ theo quy định nội bộ của Công ty Quản lý quỹ, như là ngày nghỉ Giáng sinh và/hoặc ngày nghỉ du lịch của công ty, thì giao dịch sẽ được thực hiện vào ngày làm việc kế tiếp gần nhất, trừ khi Công ty Quản lý quỹ có thông báo khác.

Hạn chế đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ sẽ được đa dạng hóa và đáp ứng được các điều kiện của pháp luật. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc sau:

- a) Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát, Quỹ không được đầu tư quá 49% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản gồm: tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng; công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
- b) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- c) Không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) dưới đây của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ:
 - i. Tiền gửi các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
 - ii. Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

- d) Không được đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản dưới đây được phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ. Trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh tính bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định tại phụ lục số 14 ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC hướng dẫn về hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán:
 - i. Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
 - ii. Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
 - iii. Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
 - iv. Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành;
 - v. Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ;
- e) Không được đầu tư quá 10% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tài sản là cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành;
- f) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá 40% tổng giá trị tài sản của Quỹ. Trong đó, hạng mục đầu tư lớn của Quỹ là hạng mục đầu tư vào các loại tài sản dưới đây (ngoại trừ chứng chỉ tiền gửi) phát hành bởi cùng một tổ chức, có tổng giá trị chiếm từ 5% trở lên tổng giá trị tài sản của Quỹ:
 - i. Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
 - ii. Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
 - iii. Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành;
 - iv. Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ;
- g) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- h) Không được đầu tư vào Chứng Chỉ Quỹ của Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam;

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

- i) Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
 - i. Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - ii. Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - iii. Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- j) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;
- k) Phải có chứng khoán của ít nhất 06 tổ chức phát hành;
- l) Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi bao gồm tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng và công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định pháp luật quy định phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt.

Cơ cấu đầu tư của Quỹ chỉ được vượt mức so với các hạn chế đầu tư đã quy định tại Khoản (a), (b), (c), (d), (e), (f) và (i) nêu trên và chỉ do các nguyên nhân sau:

- (i) Biến động giá trên thị trường của các tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- (ii) Thực hiện các khoản thanh toán của Quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
- (iii) Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
- (iv) Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà mà thời gian hoạt động chưa quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh; hoặc
- (v) Quỹ đang trong thời gian giải thể.

Công ty Quản lý quỹ có nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin và điều chỉnh lại cơ cấu đầu tư các quy định sau:

Trong thời hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày có các sai lệch phát sinh do các nguyên nhân như quy định tại điểm (i), (ii), (iii), (iv) và (v) nêu trên, Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư phù hợp

Trong trường hợp sai lệch phát sinh vì Công ty Quản lý Quỹ không tuân thủ theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh danh mục đầu tư trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày phát hiện ra sai lệch. Công ty Quản lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận đã có được cho Quỹ.

Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về các sai lệch cơ cấu danh mục đầu tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian thực hiện, kết quả khắc phục.

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ được lập theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở được quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ("Thông tư 198") ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 98/2020/TT-BTC ("Thông tư 98") ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục do Bộ Tài chính ban hành và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ..

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở giá gốc, ngoại trừ các khoản đầu tư được đo lường theo giá trị hợp lý (*Thuyết minh 3.4*).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ và danh mục đầu tư giữa niên độ, kết quả thu nhập giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Theo Thông tư 198, báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập giữa niên độ;
2. Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ;
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ;
4. Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ;
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ;
6. Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký Chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Quỹ áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Quỹ cũng lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 để nộp cho các cơ quan chức năng theo yêu cầu của Thông tư 198 và Thông tư số 96/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Quỹ là đồng Việt Nam ("VND").

2.5 Cam kết tuân thủ

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở.

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Quỹ sử dụng để lập báo cáo tài chính giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 và báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

3.2 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở yêu cầu Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ, tiền gửi của Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ chờ phân bổ, tiền gửi phong tỏa, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng có thời hạn đáo hạn không quá ba (03) tháng kể từ ngày gửi và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (03) tháng, có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là mục đích khác.

3.4 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ bao gồm các khoản đầu tư vào các chứng khoán niêm yết và các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng.

Nguyên tắc phân loại

Quỹ phân loại chứng khoán niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc chỉ bao gồm giá mua mà không bao gồm các chi phí liên quan phát sinh để có được các khoản đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu và tiền gửi ngân hàng, giá mua chưa bao gồm lãi dự thu (giá sạch) được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư". Phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận trên khoản mục "Dự thu cổ tức, lãi tiền gửi chưa đến ngày nhận" trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Ghi nhận tiếp theo

Các khoản đầu tư được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư" trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ theo nguyên tắc như sau:

- ▶ Chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi có kỳ hạn trên ba (03) tháng được ghi nhận theo giá trị hợp lý;
- ▶ Chứng khoán niêm yết, chưa niêm yết và các tài sản khác được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản này.

Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập giữa niên độ.

Các khoản lãi lũy kế chưa thanh toán của các khoản tiền gửi, tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ nợ khác được ghi nhận tại khoản mục "Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư" trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

Định giá lại cho mục đích tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong Sổ tay Định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại Điều lệ Quỹ và Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt. Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập giữa niên độ theo quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở.

Nguyên tắc định giá

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VND)	Số dư tiền tại ngày trước ngày định giá.
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá.
3.	Tiền gửi có kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.
4.	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.
5.	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trúng thầu hoặc một lãi suất khác do Ban Đại diện Quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ.

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Trái phiếu		
6.	Trái phiếu niêm yết	- Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế. - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ/Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán chấp thuận.
7.	Trái phiếu niêm yết - Trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu	- Tại ngày trước ngày chuyển đổi thành cổ phiếu, giá được xác định theo cơ sở trái phiếu doanh nghiệp niêm yết như trên. - Tại ngày chuyển đổi thành cổ phiếu, giá được xác định theo các tiêu chí của mục Cổ phiếu.
8.	Trái phiếu không niêm yết	- Giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống như sau: + Giá mua cộng lãi lũy kế; + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Theo phương pháp do Ban Đại diện Quỹ quyết định. - Đối với trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu: Tại ngày trước ngày chuyển đổi, giá được xác định theo cơ sở giá trái phiếu không niêm yết như trên. Tại ngày chuyển đổi thành cổ phiếu, giá được xác định như các tiêu chí của mục Cổ phiếu.

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Cổ phiếu		
9.	Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán (HSX, HNX)	- Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất tính đến hết ngày trước ngày định giá. - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến ngày định giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau: + Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến ngày trước ngày định giá; + Giá trị sổ sách; + Giá mua; + Giá xác định theo phương pháp được trình Ban Đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
10.	Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UPCOM	- Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở Giao dịch Chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất tính đến ngày trước ngày định giá. - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến ngày định giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau: + Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến ngày trước ngày định giá; + Giá trị sổ sách; + Giá mua; + Giá xác định theo phương pháp được trình Ban Đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Cổ phiếu (tiếp theo)		
11.	Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch	- Giá trị trung bình dựa trên báo giá (giá trung bình của các giao dịch trong kỳ) của tối thiểu ba (03) tổ chức cung cấp báo giá. - Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức cung cấp báo giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau: + Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến ngày trước ngày định giá; + Giá mua; + Giá trị sổ sách; + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện quỹ chấp thuận.
12.	Cổ phiếu niêm yết hoặc cổ phiếu đăng ký giao dịch chuyển sàn giao dịch chứng khoán	Giá cổ phiếu sẽ được xác định bằng giá đóng cửa tại ngày giao dịch cuối cùng trước khi chuyển sàn.
13.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	- Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách theo báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán hoặc soát xét; + Mệnh giá; + Giá xác định theo phương pháp được trình Ban Đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
14.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	- Phương pháp định giá được ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau: + Tám mươi phần trăm (80%) giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá. + Ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ xác định phương pháp định giá.
15.	Quyền mua cổ phiếu	- Được xác định: + Giá trị quyền mua = $\text{Max}\{0; (\text{Giá đóng cửa cổ phiếu tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định giá} - \text{Giá phát hành quyền mua}) \times \text{tỷ lệ chuyển đổi}\}$.

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Chứng chỉ quỹ đại chúng		
16.	Chứng chỉ quỹ của quỹ đại chúng có niêm yết	- Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất tính đến hết ngày trước ngày định giá. - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến ngày định giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau: + Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ (NAV/CCQ) gần nhất được quỹ đại chúng công bố trước ngày định giá; + Giá mua; + Giá xác định theo phương pháp được trình Ban Đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
17.	Chứng chỉ quỹ của quỹ đại chúng chưa niêm yết	- Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau: + Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ (NAV/CCQ) gần nhất được quỹ đại chúng công bố trước ngày định giá; + Giá mua; + Giá xác định theo phương pháp được trình Ban Đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
Các tài sản khác		
18.	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá xác định theo phương pháp được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận cho từng trường hợp cụ thể.

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư chứng khoán được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã không còn nắm giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Lãi/(lỗ) từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tại ngày giao dịch.

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.5 *Giá trị tài sản ròng và giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ*

Giá trị tài sản ròng là tổng giá trị các tài sản do Quỹ sở hữu trừ đi tổng nợ phải trả có liên quan (như giá dịch vụ quản lý, giá dịch vụ giám sát, giá dịch vụ lưu ký, giá dịch vụ quản trị Quỹ, giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các khoản phải trả khác) tại ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá và được làm tròn xuống đến hai (02) số thập phân.

3.6 *Các giao dịch về vốn và thặng dư vốn*

3.6.1 *Vốn chủ sở hữu*

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại.

Vốn góp phát hành phản ánh số vốn nhà đầu tư góp ban đầu và góp bổ sung. Khi Công ty Quản lý Quỹ nhận được kết quả giải tỏa phong tỏa về số tiền thu hợp lệ khoản góp vốn đầu tư và kết quả xác nhận vốn góp nhà đầu tư hợp lệ của đại lý chuyển nhượng (trường hợp phát hành lần đầu); giấy báo có của Ngân hàng Giám sát kèm bảng phân bổ tiền thu bán chứng chỉ quỹ về số tiền thu hợp lệ của các nhà đầu tư (trường hợp phát hành các lần tiếp theo), Công ty Quản lý Quỹ sử dụng để làm căn cứ ghi nhận vốn góp phát hành.

Vốn góp mua lại phản ánh việc mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư. Căn cứ vào xác nhận của đại lý chuyển nhượng kèm bảng tổng hợp các lệnh mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ ghi nhận vốn góp mua lại.

Chênh lệch giữa vốn góp phát hành và vốn góp mua lại chính là vốn góp của nhà đầu tư.

Thặng dư vốn bao gồm: thặng dư vốn phát hành và thặng dư vốn mua lại.

- ▶ Thặng dư vốn phát hành là chênh lệch giữa giá phát hành chứng chỉ quỹ và mệnh giá.
- ▶ Thặng dư vốn mua lại là chênh lệch giữa giá mua lại chứng chỉ quỹ và mệnh giá.

3.6.2 *Lợi nhuận chưa phân phối*

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lãi/lỗ chưa phân phối tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu với tổng các khoản chi phí của Quỹ lũy kế phát sinh trong kỳ.

Lợi nhuận chưa thực hiện là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi và lỗ đánh giá lại của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ lũy kế phát sinh trong kỳ.

Cuối kỳ kế toán, Quỹ xác định lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện trong kỳ và ghi nhận vào "Lợi nhuận chưa phân phối".

3.6.3 *Lợi nhuận/tài sản phân phối cho nhà đầu tư*

Khoản mục này phản ánh số lợi nhuận/tài sản đã phân phối trong kỳ cho nhà đầu tư và việc kết chuyển số lợi nhuận đã phân phối sang tài khoản: "Lợi nhuận chưa phân phối" vào cuối kỳ.

Quỹ mở ghi nhận lợi nhuận/tài sản phân phối cho nhà đầu tư theo Bản cáo bạch, Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được ủy quyền (ở kỳ gần nhất), Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ mở và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.7 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ bán các khoản đầu tư, cổ tức, tiền lãi từ các khoản đầu tư và các khoản phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập trong kỳ. Trong đó, dự phòng liên quan đến phải thu bán chứng khoán được ghi nhận làm tăng chi phí trong kỳ, dự phòng liên quan đến cổ tức, trái tức và lãi tiền gửi được ghi nhận làm giảm thu nhập trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

3.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá gốc của các khoản phải trả cho hoạt động mua lại chứng chỉ quỹ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao Ban đại diện Quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát và các khoản phải trả khác.

3.9 Các khoản chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Quỹ phát sinh một số chi phí chủ yếu như sau:

3.9.1 Phí dịch vụ quản lý quỹ

Theo quy định của Thông tư số 102/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 11 năm 2021 (có hiệu lực đến ngày 1/8/2025) thì giá dịch vụ quản lý quỹ mà Quỹ phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ tối đa là 2% giá trị tài sản ròng của Quỹ. Theo đó, giá dịch vụ quản lý quỹ là 1,5% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày trước ngày định giá, được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, được tính và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ.

3.9.2 Phí dịch vụ quản trị quỹ

Giá dịch vụ quản trị quỹ là 0,03% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày trước ngày định giá, với mức tối thiểu là 15.000.000 đồng mỗi tháng. Giá dịch vụ quản trị quỹ trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ quản trị quỹ được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng tháng cho bên cung cấp dịch vụ quản trị quỹ.

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.9 Các khoản chi phí (tiếp theo)

3.9.3 Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng là 12.000.000 đồng một tháng, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng tháng cho đại lý chuyển nhượng.

3.9.4 Phí dịch vụ giám sát

Giá dịch vụ giám sát là 0,02% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày trước ngày định giá, với mức tối thiểu là 5.000.000 đồng một tháng. Giá dịch vụ trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ giám sát được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát.

3.9.5 Phí dịch vụ lưu ký

Giá dịch vụ lưu ký là 0,05% một năm trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày trước ngày định giá với mức tối thiểu là 15.000.000 đồng một tháng. Giá dịch vụ trên không bao gồm các phí lưu ký phải thanh toán cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, chi phí giao dịch và đăng ký chứng khoán... Giá dịch vụ lưu ký được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát.

3.9.6 Phí dịch vụ giao dịch chứng khoán

Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát giá dịch vụ giao dịch chứng khoán là 0,03% trên tổng giá trị giao dịch thành công trong ngày với mức tối thiểu là 50.000 đồng trên mỗi ngày giao dịch.

3.10 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản cổ tức của Quỹ với tư cách là nhà đầu tư được xác lập.

Tiền lãi (bao gồm lãi tiền gửi, lãi chứng chỉ tiền gửi và lãi trái phiếu)

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập giữa niên độ khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch chứng khoán đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Lưu ký (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.11 Thuế

Theo các quy định hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo quy định hiện hành về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho nhà đầu tư.

Theo đó, khi Quỹ trả cổ tức cho các nhà đầu tư là tổ chức, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% số cổ tức được chi trả (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật). Đồng thời, khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư là cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% số cổ tức được chi trả.

Giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ

Công ty Quản lý Quỹ cũng có nghĩa vụ khấu trừ và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo quy định về quản lý ngoại hối. Mức thuế áp dụng là thuế cho việc chuyển nhượng chứng khoán bằng 0,1% trên giá trị chuyển nhượng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014, Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 và Thông tư 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 và Văn bản hợp nhất 01/VBHN-BTC ngày 04 tháng 01 năm 2024 do Bộ Tài chính ban hành.

Công ty Quản lý Quỹ không giữ lại tiền thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước do đó tổ chức trong nước tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập phát sinh từ giao dịch mua lại này.

3.12 Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là có liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các Quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ và các cổ đông của Công ty Quản lý Quỹ được xem là các bên liên quan với Quỹ. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.13 Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ theo định nghĩa trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở trình bày trong thuyết minh tương ứng của báo cáo tài chính giữa niên độ này.

3.14 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính - Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Quỹ quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Quỹ bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư, chứng khoán niêm yết.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, hoặc các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Quỹ xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá trừ các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Quỹ bao gồm các khoản phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, chi phí phải trả, phải trả cho nhà đầu tư về mua và mua lại chứng chỉ quỹ, phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở và phải trả, phải nộp khác.

Công cụ tài chính - Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo giá gốc.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ nếu, và chỉ nếu, Quỹ có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.15 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở không được thể hiện trong báo cáo tài chính giữa niên độ này thì được hiểu là có số dư bằng không.

4. TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Tiền gửi tại Ngân hàng Giám sát và Lưu ký cho hoạt động của Quỹ mở	8.724.817.936	10.263.002.767
Tiền gửi của nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ và tiền phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ	64.226.297	11.520.007
	8.789.044.233	10.274.522.774

Quý Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THUẦN

	Chênh lệch do đánh giá lại				Giá trị đánh giá lại VND
	Giá mua VND	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	Chênh lệch tăng thuần VND
Ngày 30 tháng 6 năm 2025					
Cổ phiếu niêm yết	136.368.502.303	157.102.562.500	22.570.182.102	(1.836.121.905)	20.734.060.197
Quyền mua chứng khoán (*)	-	363.090.000	363.090.000	-	363.090.000
Tiền gửi có kỳ hạn trên ba (03) tháng	8.000.000.000	8.000.000.000	-	-	-
	144.368.502.303	165.465.652.500	22.933.272.102	(1.836.121.905)	21.097.150.197
Ngày 31 tháng 12 năm 2024					
Cổ phiếu niêm yết	147.601.422.925	168.109.746.900	22.288.191.033	(1.779.867.058)	20.508.323.975
Tiền gửi có kỳ hạn trên ba (03) tháng	8.000.000.000	8.000.000.000	-	-	-
	155.601.422.925	176.109.746.900	22.288.191.033	(1.779.867.058)	20.508.323.975
Ảnh hưởng từ chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư vào báo cáo thu nhập					588.826.222

(*) Quyền mua cổ phiếu mã HCM do Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh phát hành theo thông báo số 191/2025/CV-HSC ngày 9 tháng 6 năm 2025.



Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

6. DỰ THU CỔ TỨC, TIỀN LÃI CHƯA ĐẾN NGÀY NHẬN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Dự thu cổ tức	228.270.000	145.650.000
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	92.453.425	135.734.246
	320.723.425	281.384.246

7. PHẢI THU VỀ BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Phải thu về bán cổ phiếu	879.720.000	1.517.400.000

8. PHẢI TRẢ CHO CÁC ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Phải trả Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ	1.657.054	415.290

9. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Phí kiểm toán	64.350.063	129.600.000
Phí môi giới giao dịch chứng khoán	2.662.485	4.441.553
	67.012.548	134.041.553

10. PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ MUA VÀ MUA LẠI CHỨNG CHỈ QUỸ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Phải trả cho nhà đầu tư về mua và mua lại chứng chỉ quỹ đang chờ hoàn thành thủ tục xác nhận sở hữu chứng chỉ quỹ	63.677.965	11.520.007

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

11. PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ MỞ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	210.270.658	234.028.616
Phải trả dịch vụ quản trị Quỹ	16.500.000	16.500.000
Phải trả dịch vụ lưu ký, bảo quản tài sản Quỹ	15.000.000	15.000.000
Phải trả dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	13.200.000	13.200.000
Phải trả dịch vụ giám sát	5.500.000	5.500.000
Phải trả phí giao dịch chứng khoán	532.497	888.311
	261.003.155	285.116.927

12. TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Đơn vị	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Phát sinh trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2025
Vốn góp phát hành				
Số lượng chứng chỉ quỹ	CCQ	15.303.169,07	249.948,74	15.553.117,81
Giá trị ghi theo mệnh giá	VND	153.031.690.700	2.499.487.400	155.531.178.100
Thặng dư vốn	VND	2.489.581.412	390.408.491	2.879.989.903
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	VND	155.521.272.112	2.889.895.891	158.411.168.003
Vốn góp mua lại				
Số lượng chứng chỉ quỹ	CCQ	(53.964,96)	(1.039.064,80)	(1.093.029,76)
Giá trị ghi theo mệnh giá	VND	(539.649.600)	(10.390.648.000)	(10.930.297.600)
Thặng dư vốn	VND	(102.639.841)	(2.188.438.192)	(2.291.078.033)
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ	VND	(642.289.441)	(12.579.086.192)	(13.221.375.633)
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành	CCQ	15.249.204,11	(789.116,06)	14.460.088,05
Giá trị vốn góp hiện hành	VND	152.492.041.100	(7.891.160.600)	144.600.880.500
Tổng thặng dư vốn	VND	2.386.941.571	(1.798.029.701)	588.911.870
Lợi nhuận chưa phân phối	VND	31.429.315.841	(2.452.719.919)	28.976.595.922
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	VND	186.308.298.512		174.166.388.292
Giá trị tài sản ròng trên 1 chứng chỉ quỹ	VND/ CCQ	12.217,58		12.044,63

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

13. LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Lợi nhuận đã thực hiện	7.879.445.725	10.920.991.866
Lợi nhuận chưa thực hiện	21.097.150.197	20.508.323.975
	28.976.595.922	31.429.315.841

14. TIỀN LÃI ĐƯỢC NHẬN

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND
Tiền lãi từ tiền gửi có kỳ hạn	221.502.741	161.794.521
Tiền lãi từ tiền gửi không kỳ hạn	10.011.534	11.175.561
	231.514.275	172.970.082

15. (LỖ)/LÃI BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025			
Tổng giá trị bán trong kỳ VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lỗ bán chứng khoán trong kỳ VND	
Cổ phiếu niêm yết	143.657.818.250	146.373.147.622	(2.715.329.372)
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024			
Tổng giá trị bán trong kỳ VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi bán chứng khoán trong kỳ VND	
Cổ phiếu niêm yết	96.886.964.350	89.382.970.904	7.503.993.446

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

16. PHÍ DỊCH VỤ LƯU KÝ TÀI SẢN QUỸ MỞ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND
Phí dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	90.000.000	90.000.000
Phí dịch vụ lưu ký - giao dịch mua bán chứng khoán	83.824.278	58.129.539
Phí dịch vụ lưu ký trả cho VSDC	7.671.808	7.069.080
	181.496.086	155.198.619

17. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND
Phí ngân hàng	7.979.553	5.616.803
Phí thực hiện quyền	1.100.000	1.100.000
	9.079.553	6.716.803

18. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND
Chi phí giao dịch mua các khoản đầu tư	201.677.636	135.881.924
Chi phí giao dịch bán các khoản đầu tư	215.486.744	136.376.952
	417.164.380	272.258.876

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

18. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

Trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025, giao dịch của Quỹ thực hiện chủ yếu thông qua các công ty chứng khoán sau:

STT	Tên các công ty chứng khoán	Quan hệ với Công ty Quản lý Quỹ	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua từng công ty chứng khoán			Phí giao dịch bình quân (%)	Phí giao dịch bình quân trên thị trường (%)
			Giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ VND	Tổng giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ (*) VND	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua công ty chứng khoán trong kỳ (%)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)/(5)	(7)	(8)
1	Công ty CP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	Không liên quan	57.706.261.100	278.747.535.250	20,70	0,15	0,10 - 0,20
2	Công ty CP Chứng khoán Phú Hưng	Có liên quan	48.135.742.000	278.747.535.250	17,27	0,15	0,10 - 0,20
3	Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Không liên quan	18.534.028.500	278.747.535.250	6,65	0,15	0,10 - 0,20
4	Công ty CP Chứng khoán Vietcap	Không liên quan	45.375.717.000	278.747.535.250	16,28	0,15	0,10 - 0,20
5	Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT	Không liên quan	52.099.068.650	278.747.535.250	18,69	0,15	0,10 - 0,20
6	Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	Không liên quan	54.982.808.000	278.747.535.250	19,72	0,15	0,10 - 0,20
7	Công ty cổ phần Chứng khoán Vina	Không liên quan	1.913.910.000	278.747.535.250	0,69	0,10	0,10 - 0,20
Tổng			278.747.535.250		100,00		

Các giao dịch thực hiện quyền và giao dịch lô lẻ đã được loại trừ khi xác định tổng giá trị BIDV theo dõi trong kỳ của Quỹ.

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

19. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025:

Ngày tính NAV	NAV VND	Số lượng CCQ	NAV/CCQ VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
01/01/2025	186.299.914.140	15.249.204,11	12.217,03	
02/01/2025	186.429.353.000	15.250.129,03	12.224,77	7,74
05/01/2025	183.696.123.225	15.250.091,49	12.045,58	(179,19)
06/01/2025	182.323.735.465	15.250.210,27	11.955,49	(90,09)
07/01/2025	182.248.237.828	15.251.365,28	11.949,63	(5,86)
08/01/2025	182.654.282.195	15.255.405,58	11.973,09	23,46
09/01/2025	181.960.531.261	15.259.914,55	11.924,09	(49,00)
12/01/2025	179.829.881.706	15.264.173,30	11.781,17	(142,92)
13/01/2025	180.680.669.922	15.273.308,25	11.829,83	48,66
14/01/2025	179.621.713.063	15.280.414,33	11.755,03	(74,80)
15/01/2025	180.554.532.442	15.286.256,30	11.811,56	56,53
16/01/2025	181.337.801.737	15.286.636,03	11.862,51	50,95
19/01/2025	182.656.384.419	15.290.952,30	11.945,39	82,88
20/01/2025	182.884.334.889	15.304.919,01	11.949,38	3,99
21/01/2025	182.281.751.071	15.305.884,04	11.909,26	(40,12)
22/01/2025	181.573.228.512	15.306.338,33	11.862,62	(46,64)
23/01/2025	183.985.089.425	15.306.672,78	12.019,93	157,31
29/01/2025	184.512.974.657	15.307.590,64	12.053,69	33,76
31/01/2025	184.496.353.423	15.307.590,64	12.052,61	(1,08)
02/02/2025	184.479.386.570	15.307.590,64	12.051,50	(1,11)
03/02/2025	182.618.455.366	15.307.809,35	11.929,76	(121,74)
04/02/2025	184.606.584.019	15.310.030,90	12.057,88	128,12
05/02/2025	185.535.348.725	15.327.487,89	12.104,75	46,87
06/02/2025	185.754.658.534	15.328.096,64	12.118,57	13,82
09/02/2025	185.923.604.921	15.328.756,93	12.129,07	10,50
10/02/2025	172.205.985.937	14.329.209,77	12.017,83	(111,24)
11/02/2025	173.233.509.099	14.333.190,47	12.086,18	68,35
12/02/2025	172.923.552.963	14.334.075,60	12.063,81	(22,37)
13/02/2025	173.380.275.245	14.337.531,06	12.092,76	28,95
16/02/2025	173.706.057.704	14.338.068,34	12.115,03	22,27
17/02/2025	172.639.578.995	14.338.187,07	12.040,54	(74,49)
18/02/2025	173.004.181.374	14.338.732,60	12.065,51	24,97
19/02/2025	174.722.531.942	14.341.762,74	12.182,78	117,27
20/02/2025	174.913.241.664	14.341.883,84	12.195,97	13,19
23/02/2025	175.187.615.282	14.342.046,28	12.214,97	19,00
24/02/2025	176.047.501.702	14.342.084,12	12.274,89	59,92
25/02/2025	175.791.785.233	14.341.938,82	12.257,18	(17,71)
26/02/2025	175.583.749.074	14.341.996,90	12.242,63	(14,55)
27/02/2025	176.321.690.848	14.341.793,11	12.294,26	51,63
28/02/2025	175.628.929.942	14.342.187,85	12.245,62	(48,64)
02/03/2025	175.613.038.914	14.342.187,85	12.244,51	(1,11)
03/03/2025	175.694.347.705	14.342.595,25	12.249,83	5,32
04/03/2025	176.504.147.471	14.344.230,38	12.304,89	55,06
05/03/2025	175.344.680.383	14.345.442,58	12.223,02	(81,87)
06/03/2025	177.138.207.110	14.345.520,37	12.347,98	124,96
09/03/2025	177.601.105.918	14.346.928,54	12.379,03	31,05
10/03/2025	177.577.378.339	14.346.923,15	12.377,38	(1,65)
11/03/2025	177.873.280.351	14.352.719,52	12.393,00	15,62
12/03/2025	177.003.081.046	14.353.346,84	12.331,83	(61,17)
13/03/2025	174.786.159.303	14.355.566,05	12.175,50	(156,33)
16/03/2025	173.996.779.614	14.355.681,69	12.120,41	(55,09)
17/03/2025	174.895.556.781	14.355.787,62	12.182,93	62,52

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

19. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025:

<i>Ngày tính NAV</i>	<i>NAV VND</i>	<i>Số lượng CCQ</i>	<i>NAV/CCQ VND</i>	<i>Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND</i>
18/03/2025	174.219.760.123	14.358.915,53	12.133,21	(49,72)
19/03/2025	173.187.593.803	14.358.899,63	12.061,34	(71,87)
20/03/2025	173.579.706.415	14.359.057,27	12.088,52	27,18
23/03/2025	173.146.938.734	14.359.390,09	12.058,10	(30,42)
24/03/2025	173.397.702.491	14.355.514,25	12.078,82	20,72
25/03/2025	173.709.108.640	14.356.596,77	12.099,60	20,78
26/03/2025	173.068.868.177	14.358.641,86	12.053,29	(46,31)
27/03/2025	172.987.751.149	14.359.339,91	12.047,05	(6,24)
30/03/2025	171.855.404.198	14.359.720,03	11.967,88	(79,17)
31/03/2025	170.751.484.692	14.342.187,85	11.890,65	(77,23)
01/04/2025	171.630.069.959	14.365.586,08	11.947,31	56,66
02/04/2025	171.285.472.307	14.365.517,20	11.923,38	(23,93)
03/04/2025	160.423.050.995	14.366.888,87	11.166,16	(757,22)
07/04/2025	157.390.430.799	14.375.833,81	10.948,26	(217,90)
08/04/2025	147.817.028.058	14.384.605,40	10.276,06	(672,20)
09/04/2025	142.668.279.898	14.387.060,84	9.916,43	(359,63)
10/04/2025	151.591.374.343	14.387.820,37	10.536,09	619,66
13/04/2025	157.599.416.839	14.387.820,37	10.945,73	409,64
14/04/2025	158.689.778.403	14.400.436,77	11.019,79	74,06
15/04/2025	157.141.529.808	14.404.419,31	10.909,26	(110,53)
16/04/2025	155.928.951.714	14.405.491,77	10.824,27	(84,99)
17/04/2025	156.524.770.751	14.407.574,25	10.864,06	39,79
20/04/2025	157.532.905.521	14.417.144,45	10.926,78	62,72
21/04/2025	157.108.701.935	14.417.992,80	10.896,71	(30,07)
22/04/2025	156.341.589.171	14.417.857,98	10.843,61	(53,10)
23/04/2025	158.045.094.648	14.417.857,98	10.953,22	109,61
24/04/2025	158.739.278.588	14.429.892,58	11.000,72	47,50
27/04/2025	158.817.673.543	14.431.150,66	11.005,20	4,48
28/04/2025	158.435.953.881	14.431.210,88	10.978,70	(26,50)
30/04/2025	158.722.231.483	14.432.029,51	10.997,91	19,21
04/05/2025	158.693.069.581	14.432.029,51	10.995,89	(2,02)
05/05/2025	160.039.486.144	14.432.214,47	11.089,05	93,16
06/05/2025	160.032.771.443	14.432.644,66	11.088,25	(0,80)
07/05/2025	160.460.435.383	14.433.542,50	11.117,19	28,94
08/05/2025	161.737.169.329	14.433.828,52	11.205,42	88,23
11/05/2025	161.522.645.904	14.434.601,42	11.189,96	(15,46)
12/05/2025	163.297.629.507	14.435.342,25	11.312,35	122,39
13/05/2025	165.031.927.336	14.443.002,97	11.426,43	114,08
14/05/2025	166.921.216.928	14.443.047,66	11.557,20	130,77
15/05/2025	167.646.905.568	14.444.160,02	11.606,55	49,35
18/05/2025	165.958.270.861	14.445.179,99	11.488,83	(117,72)
19/05/2025	165.237.080.945	14.445.293,34	11.438,82	(50,01)
20/05/2025	167.069.081.987	14.445.836,39	11.565,21	126,39
21/05/2025	167.749.324.323	14.445.775,08	11.612,35	47,14
22/05/2025	166.643.890.353	14.446.156,97	11.535,52	(76,83)
25/05/2025	166.962.185.118	14.446.095,43	11.557,60	22,08
26/05/2025	168.899.663.878	14.454.847,24	11.684,64	127,04
27/05/2025	169.924.284.579	14.454.932,82	11.755,45	70,81

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

19. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025:

Ngày tính NAV	NAV VND	Số lượng CCQ	NAV/CCQ VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
28/05/2025	169.343.679.105	14.455.133,93	11.715,12	(40,33)
29/05/2025	169.048.741.936	14.454.591,29	11.695,16	(19,96)
31/05/2025	167.316.479.114	14.454.637,90	11.575,28	(119,88)
01/06/2025	167.308.802.073	14.454.637,90	11.574,75	(0,53)
02/06/2025	168.638.082.857	14.456.003,94	11.665,61	90,86
03/06/2025	169.930.781.563	14.451.700,09	11.758,53	92,92
04/06/2025	169.596.000.875	14.451.849,22	11.735,25	(23,28)
05/06/2025	169.557.551.095	14.452.206,03	11.732,30	(2,95)
08/06/2025	168.013.765.168	14.452.731,39	11.625,05	(107,25)
09/06/2025	166.833.370.292	14.452.149,73	11.543,84	(81,21)
10/06/2025	167.131.119.575	14.452.599,34	11.564,09	20,25
11/06/2025	167.516.824.467	14.456.640,16	11.587,54	23,45
12/06/2025	169.477.085.346	14.456.696,40	11.723,09	135,55
15/06/2025	168.694.300.572	14.458.874,12	11.667,18	(55,91)
16/06/2025	171.736.508.710	14.458.990,81	11.877,49	210,31
17/06/2025	172.092.079.722	14.459.854,03	11.901,37	23,88
18/06/2025	172.064.279.726	14.459.630,73	11.899,63	(1,74)
19/06/2025	172.125.199.726	14.459.702,23	11.903,79	4,16
22/06/2025	172.396.480.859	14.460.985,64	11.921,49	17,70
23/06/2025	172.198.615.742	14.460.406,49	11.908,28	(13,21)
24/06/2025	172.815.472.121	14.460.130,95	11.951,17	42,89
25/06/2025	172.557.747.211	14.460.055,86	11.933,41	(17,76)
26/06/2025	172.863.526.835	14.460.700,60	11.954,02	20,61
29/06/2025	173.405.919.185	14.460.786,57	11.991,46	37,44
30/06/2025	174.166.388.292	14.460.088,05	12.044,63	53,17
Giá trị tài sản ròng bình quân kỳ				171.290.052.983
Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ mức cao nhất				757,22
Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ mức thấp nhất				(0,53)

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

20. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành

Chi tiết theo thời gian có thể mua lại chứng chỉ quỹ:

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>
	<i>Chứng chỉ quỹ</i>	<i>Chứng chỉ quỹ</i>
Đến một năm	14.460.088,05	15.249.204,11

21. CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỜ

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>
Tỷ lệ chi phí hoạt động (%)	2,52	2,24
Tốc độ vòng quay danh mục (%)	162,76	107,32

21.1 Tỷ lệ chi phí hoạt động

Tỷ lệ chi phí hoạt động là tỷ lệ đánh giá chi phí hoạt động của Quỹ tính cho một đơn vị giá trị tài sản ròng. Tại ngày kết thúc báo cáo tài chính bán niên, tỷ lệ này sẽ được tính toán cho 12 tháng bằng cách nhân tỷ lệ của kỳ kế toán sáu tháng với bội số 2.

Tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định theo công thức:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động} * 100 (\%)}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong kỳ}}$$

21.2 Tốc độ vòng quay danh mục

Tốc độ vòng quay danh mục là số quay vòng tài sản đầu tư của Quỹ trong một (1) năm. Tại ngày kết thúc báo cáo tài chính bán niên, tỷ lệ này sẽ được tính toán cho 12 tháng bằng cách nhân tỷ lệ của kỳ kế toán sáu tháng với bội số 2.

Tốc độ vòng quay danh mục được xác định theo công thức:

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị mua trong kỳ} + \text{Tổng giá trị bán trong kỳ})}{2 * \text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong kỳ}}$$

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

22. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động của Quỹ. Quỹ cũng đã được Công ty Quản lý Quỹ xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

22.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư chứng khoán.

(i) Rủi ro về giá chứng khoán

Các cổ phiếu niêm yết do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Quỹ quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư.

Tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu của Quỹ 157.102.562.500 đồng. Nếu giá trị thị trường của các cổ phiếu này giảm 10% thì kết quả hoạt động của Quỹ sẽ giảm khoảng 15.710.256.250 đồng, phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá trị thị trường của các cổ phiếu này tăng 10% thì kết quả hoạt động của Quỹ sẽ tăng khoảng 15.710.256.250 đồng.

22. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

22.1 *Rủi ro thị trường* (tiếp theo)

(ii) *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ chủ yếu liên quan đến tiền gửi ngân hàng của Quỹ. Những tài sản này có tính thanh khoản cao và không được Quỹ nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quỹ và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty Quản lý Quỹ tin rằng rủi ro lãi suất không có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động của Quỹ do Quỹ nắm giữ chủ yếu các khoản tiền gửi thanh toán và tiền gửi có kỳ hạn ngắn dưới ba (03) tháng tại các tổ chức tài chính.

(iii) *Rủi ro tiền tệ*

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Quỹ được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo và giao dịch chính là VND. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Quỹ là không có.

22.2 *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ của mình theo cam kết, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có rủi ro tín dụng từ tài sản tài chính bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Quỹ chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng có uy tín ở Việt Nam. Rủi ro đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận quản lý đầu tư của Quỹ theo chính sách của Quỹ. Quỹ nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là rất thấp.

Chính sách của Quỹ là đầu tư vào các công cụ tài chính của các đối tác có uy tín. Bộ phận quản lý đầu tư theo dõi chặt chẽ tình hình tín dụng của các đối tác của Quỹ bằng cách xem xét tình hình tài chính, khả năng trả nợ của đối tác, báo cáo tài chính và thông tin đại chúng.

22.3 *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Quỹ đầu tư chủ yếu vào chứng khoán và các công cụ tài chính khác, trong điều kiện bình thường của thị trường, có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt. Quỹ giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

23. THUYẾT MINH BỔ SUNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền	8.789.044.233	8.789.044.233	10.274.522.774	10.274.522.774
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở	8.724.817.936	8.724.817.936	10.263.002.767	10.263.002.767
- Tiền gửi của Nhà đầu tư cho hoạt động mua và mua lại CCQ	64.226.297	64.226.297	11.520.007	11.520.007
Các khoản đầu tư thuần	165.465.652.500	165.465.652.500	176.109.746.900	176.109.746.900
- Cổ phiếu niêm yết	157.102.562.500	157.102.562.500	168.109.746.900	168.109.746.900
- Quyền mua chứng khoán	363.090.000	363.090.000	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn trên ba (03) tháng	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000
Các khoản phải thu	1.200.443.425	1.200.443.425	1.798.784.246	1.798.784.246
	175.455.140.158	175.455.140.158	188.183.053.920	188.183.053.920
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả về mua các khoản đầu tư	895.270.000	895.270.000	1.443.635.000	1.443.635.000
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	261.003.155	261.003.155	285.116.927	285.116.927
Chi phí phải trả	67.012.548	67.012.548	134.041.553	134.041.553
Phải trả cho nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	44.940.265	44.940.265	11.520.007	11.520.007
Phải trả cho nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ	18.737.700	18.737.700	-	-
Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ	1.657.054	1.657.054	415.290	415.290
	1.288.620.722	1.288.620.722	1.874.728.777	1.874.728.777

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Quỹ sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu, phải trả cho các Đại lý phân phối và Công ty Quản lý Quỹ, chi phí phải trả, phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ và phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở bằng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của cổ phiếu được ước tính theo phương pháp định giá quy định tại *Thuyết minh* 3.4.



Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHÓT KHÁC

24.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

a) Công ty Quản lý Quỹ

Các giao dịch trọng yếu trong kỳ như sau:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND
Phí dịch vụ quản lý Quỹ	<u>1.274.495.662</u>	<u>1.318.744.422</u>
Số dư tại thời điểm cuối kỳ như sau:		
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	<u>210.270.658</u>	<u>234.028.616</u>

Quý Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHÓT KHÁC (tiếp theo)

24.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

b) Số lượng chứng chỉ quỹ mà bên liên quan nắm giữ

Chi tiết số lượng chứng chỉ quỹ được nắm giữ bởi bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Ngày 30 tháng 6 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
		Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ (%)	Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng	Công ty Quản lý Quỹ	3.500.000,00	24,20	3.500.000,00	22,95
Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng	Người có liên quan của Người nội bộ Công ty Quản lý Quỹ	4.821.108,98	33,34	4.821.108,98	31,62
Bên liên quan khác	Ban lãnh đạo và Nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ	209.251,06	1,45	165.566,00	1,09
		8.530.360,04	58,99	8.486.674,98	55,66

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)

24.2 Các hợp đồng then chốt khác

Ngân hàng Giám sát

Theo hợp đồng giám sát và lưu ký ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa ("Ngân hàng Giám sát"), Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ giám sát là 0,02% trên giá trị tài sản ròng của Quỹ/năm (tối thiểu là 5.000.000 đồng mỗi tháng), chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng và giá dịch vụ lưu ký là 0,05% trên giá trị tài sản ròng của Quỹ/năm (tối thiểu là 15.000.000 đồng mỗi tháng).

Ngân hàng Giám sát cũng đồng thời là tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ quản trị quỹ là 0,03% trên giá trị tài sản ròng của Quỹ/năm (tối thiểu là 15.000.000 đồng mỗi tháng), chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Ngoài ra, Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ giao dịch chứng khoán là 0,03% trên tổng giá trị giao dịch thành công trong ngày với mức tối thiểu là 50.000 đồng trên mỗi ngày giao dịch.

Chi tiết giá dịch vụ và thu nhập phát sinh trong kỳ như sau:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND
Phí dịch vụ quản trị Quỹ	99.000.000	99.000.000
Phí dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	90.000.000	90.000.000
Thu nhập lãi tiền gửi không kỳ hạn	10.011.534	11.175.561
Phí dịch vụ Giám sát	33.000.000	33.000.000
Phí dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	83.824.278	58.129.539
Phí ngân hàng	7.979.553	5.616.803

Số dư tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Tiền gửi thanh toán	8.789.044.233	10.274.522.774
Phải trả dịch vụ quản trị Quỹ	16.500.000	16.500.000
Phải trả dịch vụ lưu ký, bảo quản tài sản Quỹ	15.000.000	15.000.000
Phải trả dịch vụ giám sát	5.500.000	5.500.000
Phải trả dịch vụ lưu ký, giao dịch chứng khoán	532.497	888.311

Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

25. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngoài các thông tin đã trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 12 tháng 8 năm 2025

Người lập:

Người phê duyệt:

Người phê duyệt:



Bà Nguyễn Thị Hương Huệ
Kế toán Quỹ

Bà Nguyễn Thị Hương Huệ Ông Lưu Hui-Hung
Phụ trách Kế toán Quỹ Tổng Giám đốc

